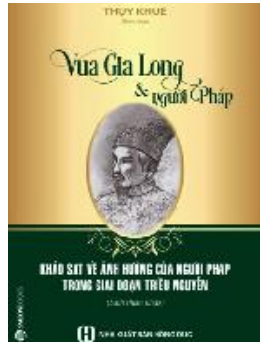


Đi Tìm Sự Thật Lịch Sử về Vua Gia Long

Thụy Khuê



Một ngày mùa xuân năm 2014, tôi lên khu La Tinh, vào hàng sách quen, xuống hầm tìm sách cũ, tình cờ thấy một bộ sách quý, nhưng có lẽ không ai để ý, và cũng không có người mua, nên họ bán son. Như kẻ bắt được vàng, tôi mua ngay. Đó là bộ sách đồ sộ: *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823 (Lịch sử truyền giáo ở Nam Hà 1658-1823)* gồm 4 cuốn, do linh mục Andrien Launay sưu tập những thư từ của các giáo sĩ đến truyền đạo ở nước ta (và một phần nhỏ về Miên, Lào), gửi về cho các vị lãnh đạo của họ trụ trì tại tu viện Macao, là chi nhánh của Hội Thừa Sai Roma, trong hai thế kỷ. Tôi nghĩ trong bộ sách này, tất phải có thư của Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine). Quả đúng như vậy, thư của Bá Đa Lộc giữ một phần quan trọng. Dĩ nhiên có những thư ông viết bằng tiếng La tinh, tôi không đọc được, nhưng phần lớn còn lại là tiếng Pháp.

Những lá thư này, mở ra cho tôi một chân trời mới, một *sự thật văn bản* mà những điều đã viết trước đây về Bá Đa Lộc *không có*, thậm chí những gì tôi đọc được, hoàn toàn trái ngược với những lời Bá Đa Lộc viết trong những thư báo cáo với các vị thừa sai cấp trên ở Macao và Roma trong tập sách này. Câu chuyện dài dòng lắm, ở đây tôi chỉ xin kể vài nét chính. Ví dụ, Bá Đa Lộc cho biết: Ông đi tàu với Hoàng tử Cảnh về Nam Hà *tay không*, không có một thứ khí giới nào, để giúp nhà vua và sau đó cũng không có tàu bè khí giới nào, được ông vận động đến Việt Nam giúp vua Gia Long - lúc đó còn là Nguyễn Ánh - cả. Rồi ông mô tả những khó khăn của ông trong triều, bị sự chống đối của các bà hoàng, mẹ, vợ, vua, vì việc Hoàng tử không chịu cúng lễ tổ tiên, mà ông gọi là “lạy xác chết”... Ông gặp khó khăn với các quan đại thần, can vua không để cho Hoàng tử gần cận ông nữa... Bá Đa Lộc đã có định bỏ đi, và đã thật sự chuẩn bị trốn, khi vua Quang Trung sắp đánh vào Nam, v...v...

Tóm lại, lịch sử đời Bá Đa Lộc do chính ông ghi lại trong những bức thư này là lịch sử của một người gặp khó khăn và thất bại, trong những mưu toan của mình, nhiều lúc phải lần trốn... khác hẳn với lịch sử vinh quang của Đức Bá Đa Lộc trong cuốn *Monseigneur Pigneau de Béhaine évêque d'Adran (Đức Giám Mục Bá Đa Lộc)* của Alexis Faure in năm 1891, được coi là cuốn sách mẫu mực cho những người viết sử, trong đó Bá Đa Lộc được tôn vinh có vai trò “lập quốc” bên cạnh Gia Long, công ông sánh ngang công lao của Richelieu bên cạnh Louis XIII: Bá Đa Lộc đã cứu sống Gia Long lúc trẻ, đã đem Hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện, và đã được Louis XVI chấp thuận đưa quân về giúp... Rồi Bá Đa Lộc giữ địa vị “tướng quốc” chủ trương mọi việc về chính trị cũng như quân sự, ông đã đưa những “sĩ quan” Pháp về giúp vua huấn luyện và thành lập quân đội, xây dựng thành đài, chiến thắng Tây sơn... không có việc gì là không có tay ông nhúng vào.

Những trang thư trong bộ sưu tập của Launay, khiến tôi *mở mắt ra* lần đầu, cũng là lần đầu tiên tôi thấy le lói một thứ ánh sáng, có thể giúp tôi tìm thấy sự thực lịch sử, mà tôi mong mỏi từ thời trẻ. Khi được vào trường trung học Gia Long, tôi có hai mặc cảm đối lập: thứ nhất, kiêu hãnh vì được học trường nữ học lớn nhất miền Nam, nhưng đồng thời, tủi nhục vì tướng vua Gia Long là người dẫn quân Pháp về “giày mò”. Mặc cảm thứ hai này, trầm trọng và theo đuổi tôi hầu như suốt đời, cho đến năm 2014, khi được chính mắt đọc những dòng thư do Bá Đa Lộc viết, tôi biết rằng Gia Long không làm những việc mà người ta đổ vạ cho ông. Năm 1962, khi sang Pháp du học, tôi đã gặp biết bao cảnh ngộ vui buồn. Nhưng đáng kể nhất là những ngày ở trường, thầy dạy và bạn bè đối xử rất tốt. Chính họ đã xoá hẳn ác cảm đối với người Pháp thực dân, mà tôi đã tiếp nhận qua sách vở. Tôi biết ơn bà thầy lý hoá, bỏ bữa ăn trưa để kèm ba đứa học trò Việt mới sang, chưa thạo tiếng Pháp; tôi biết ơn những đứa bạn đã tận tình ghi “cua” giúp, trong những ngày tháng đầu tiên,

vì tiếng Pháp i-tờ của tôi. Một đứa đưa tôi về nhà ăn Noël, trong không khí gia đình đầm ấm, tựa như người mình ăn Tết. Ai cũng tử tế và săn sóc tôi, nhất là bà nó, bà cụ coi tôi như cháu cụ, không phân biệt gì cả. Không khí trọn vẹn hạnh phúc, nếu như cả nhà không gọi tôi một cách âu yếm là “la petite indochinoise”. Tôi không dám sửa lời người lớn, chỉ nói với con bạn:

- Tao là người Việt, không phải người Đông dương.

Nó cười xuề xoà:

- Nhằm nhỏ gì ba cái vật vãnh, mà là người gì cũng thế, tao biết là được rồi!

Trong cảnh được thương yêu chiều chuộng đó, tôi nhận thấy ý nghĩa của cái nhìn: bà và mẹ nó luôn luôn nhìn tôi với ánh mắt yêu thương rất mực, nhưng không chỉ yêu thương, mà còn có thêm một chút gì như thương hại, nhất là khi họ chép miệng nói với những người hàng xóm: “Tội nghiệp con bé Đông Dương!” Mấy lời ngắn gọn ấy dường như bao hàm ý nghĩa: “*Tội nghiệp con bé chưa được là người như chúng ta, nó là người Đông dương. Người Đông dương là một thứ dưới người*”.

Ánh mắt thương hại của bà cụ, ân nhân đầu tiên trong cuộc đời du học, đã thấm vào tôi, khiến tôi chấp nhận “*mặc cảm Đông dương*” trong suốt quãng đời tiếp nối, cho đến khi đọc được những lời do chính Bá Đa Lộc viết, năm 2014, in trong tập sách vừa mua. Những lời này đã giải tỏa trong óc tôi, “tội công răn cản gà nhà” của vua Gia Long, mà tôi đã bị đầu độc, ngay từ khi ra đời, giúp tôi có đủ bằng chứng, để trở lại *con người tự do*, không mặc cảm, bởi vì, bây giờ tôi biết rằng triều đại cuối cùng của nước tôi, là một triều đại rực rỡ, đã được xây dựng hoàn toàn trên hai tay của một thiếu niên anh hùng: Nguyễn Ánh.

1773, Tây Sơn khởi nghiệp ở Bình Định, thừa dịp này chúa Trịnh Sâm đem quân đánh chúa Nguyễn, 1775, Hoàng Ngũ Phúc chiếm Huế. 13 tuổi (1775), Nguyễn Ánh chạy cùng với Định Vương Nguyễn Phước Thuần vào Gia Định, trong một đất nước loạn lạc lầm than, năm bè, bầy mối. Năm 15 tuổi (1777), hai chúa Nguyễn cuối cùng, Định Vương và Tân Chính Vương bị sát hại, một mình Nguyễn Ánh chạy thoát. Năm 16 tuổi (1778) Nguyễn Ánh chiếm lại Gia Định, các tướng tôn làm Đại Nguyên Soái. Hơn hai mươi năm sau, Nguyễn Vương thống nhất nước Nam, tạo nền móng cho một quốc gia hùng mạnh vào bậc nhất trong vùng Đông Nam Á, mà con ông, Minh Mạng sẽ hoàn thành sứ mạng. Ngày 31-5-1802, Nguyễn Vương lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Gia Long.

Nhưng năm 1962, tôi chưa suy nghĩ sâu xa về những điều ấy, lúc đó tôi chỉ cảm thấy trong tình thương bao la của người bà đưa bạn tốt, một bà cụ nhà quê vùng Ardennes tuyết trắng buốt giá, miền bắc nước Pháp, có trong tia mắt đầy từ tâm, lửa ấm, một ánh thương hại hướng về đứa con gái “anh-đô-si-noa” bạc phước. Ánh mắt bà cụ với lòng trắc ẩn, khiến tôi không sao quên được, bởi vì nó không đến từ sự độc ác, hận thù, mà đến từ tình thương, từ lòng tốt của con người. Nhưng cũng chính nó đã thành thực cho tôi biết “giá trị” của những người Việt như tôi đối với người Pháp thời ấy. Và trong bao nhiêu năm, vì ánh mắt ấy, tôi đã chấp nhận số phận “anh-đô-si-noa”, như một thân phận yếu kém, dưới người, không bao giờ có thể ngoi lên để trở thành một người như người Pháp, như con Marie-France, bạn tôi, cháu bà cụ.

Mặc cảm này chôn sâu trong lòng tôi, nhiều năm sau. Đến khi có con, rồi có cháu, tôi mới nhận thấy *không có nấc thang cách biệt nào giữa người và người*, giữa các loại người, các màu da, giữa các dân tộc, chủng tộc. Nhận thức này không thông qua lý thuyết, sách vở, hay các bản tuyên ngôn nhân quyền, mà nhờ sự quan sát tự chất con người qua chính con, cháu mình. Sau nhiều năm viết phê bình và nghiên cứu, có những chủ đề dẫn tôi sang địa hạt lịch sử, lại càng nghiệm thấy, những sự khác biệt này là do đầu óc con người gây ra. Sự thối mắc đầu tiên của tôi là tại sao, tất cả các sử gia Việt Nam mà tôi đọc được từ nhỏ đến giờ đều đồng lòng “kết án” các vua nhà Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã “giết đạo” và “bế quan tỏa cảng”, không cho linh mục vào giảng đạo và người Âu vào “buôn bán” nên mới bị người Pháp “trừng trị”, đem quân vào đánh. Chính những trang sử do *người Việt viết*, đã bày ra những “sự thể” này, khiến tất cả người Việt đọc sử nước mình đều phải nhập tâm: *mình mất nước là lỗi tại mình, lỗi tại nhà Nguyễn*. Không thể trách ai được.

Sau khi đã thu thập những tài liệu đáng kể, để có thể phản bác lại những lập luận trên đây trong sử Việt, mà tôi được học từ nhỏ, tôi quyết định viết cuốn *Vua Gia Long và người Pháp*. Lúc đó là năm 2014, thấy ít ai có thể hiểu mình, ngoài giáo sư Nguyễn Văn Trung. Ông ở Canada, năm ấy ông còn khỏe, tinh thần minh mẫn. Tôi điện thoại nói chuyện với ông, và như thường lệ ông hỏi:

- Thụy Khuê đang viết, gì?”

Tôi nói:

- Em định viết về Vua Gia Long và đã tập hợp được nhiều tài liệu tốt, có thể dựa vào để bác bỏ những lập luận cho rằng người Pháp đã giúp vua Gia Long thống nhất đất nước, đặc biệt em chú trọng đến việc sử gia Maybon và học giả Cadière, là hai người dẫn đầu và mở đường cho khuynh hướng này. Họ là những người “có thẩm quyền” để truyền bá thông tin: nhờ người Pháp mà chúng ta mới được “khai hóa”, không chỉ từ năm 1858, khi liên quân Pháp Tây Ban Nha bắn phá Đà Nẵng, mà ngay từ khi Nguyễn Vương khởi nghiệp, cách đó gần một trăm năm. Em sẽ chứng minh những điều đó là sai .

Giáo sư Nguyễn Văn Trung dặn dò:

- Phải cẩn thận lắm, vì đụng tới Cadière là đụng vào cả một nền kinh viện nghiên cứu được mọi người thừa nhận và có nhà dòng hậu thuẫn cả trăm năm rồi.

Càng đi sâu vào tài liệu, tôi càng thấy rõ thâm ý của hai vị học giả và sử gia này: Những điều mà đầu thế kỷ XIX, Bissachère và Sainte-Croix, là hai người Pháp sang Việt Nam đầu tiên viết hồi ký để lại, lấy sự bồi nhọ lịch sử nước Nam làm chuẩn mốc. Sách của họ, nếu không được hai nhà nghiên cứu Cadière và Maybon chép lại và tôn thành sự thật lịch sử, thì có lẽ đã rơi vào quên lãng như những cuốn sách tội tộ khác. Nhưng đến đầu thế kỷ XX, tức là đúng 100 năm sau, những điều họ viết bậy bạ, được hai vị học giả và sử gia có uy tín này trân trọng trích dẫn, làm nền cho những bài viết và sách của họ, khiến những sự bịa đặt của Bissachère và Sainte-Croix trở thành sự thực lịch sử. Và đúng như lời giáo sư Nguyễn Văn Trung: học giả Cadière và tập san *Đô Thành Hiếu Cổ* (Bulletin des Vieux Amis de Hué) là một kinh viện ngự trị trên nghiên cứu ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến ngày nay. Vì vậy, không có gì hữu hiệu hơn, là chính người chỉ huy cơ quan kinh viện này, điều hành việc trình bày “sự thực lịch sử”: Nhà Nguyễn là do Pháp dựng nên.

Công lao dựng nghiệp này là do Bá Đa Lộc, từ A đến Z. Hành trình này được sử gia Maybon xác định và “chứng minh” trong cuốn *Histoire moderne du pays d’Annam* (Lịch sử hiện đại nước Nam) (1920) bằng những giai đoạn:

– Bá Đa Lộc cứu sống Nguyễn Ánh, lúc 16 tuổi, khỏi bàn tay Tây Sơn.

– Bá Đa Lộc, đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp. Ngày 28-11-1787, Bá Đa Lộc ký hòa ước cầu viện với Pháp. Nhưng khi vua Louis XVI, không áp dụng hiệp ước này, Bá Đa Lộc tự xoay sở kiếm tiền mua tàu bè vũ khí về giúp.

– Bá Đa Lộc đưa những “sĩ quan” Pháp vào Việt Nam, để thành lập và điều khiển quân đội Nguyễn Ánh và xây dựng tất cả thành đài ở nước Việt, theo kiểu Vauban.

Đọc cuốn *Lịch sử hiện đại nước Nam* của Maybon, người ta thấy ngay cái ý chủ đạo, soi sáng tất cả: nếu Bá Đa Lộc không cứu Nguyễn Ánh thoát chết năm 1777, thì không có Gia Long, không có nhà Nguyễn.

Câu chuyện huyền sử do Maybon viết, được Cadière tiếp sức, với tư cách học giả, tìm kiếm và khảo sát thêm, để trở thành “sự thực lịch sử”. “Sự thực” này sẽ được Cadière chính thức hoá trên bình diện nghiên cứu, nửa đầu thế kỷ XX, qua tập san *Đô Thành Hiếu Cổ*. Đến giữa thế kỷ XX, được đưa vào từ điển Larousse của Pháp, kể từ bản in năm 1955.

Về sự thật lịch sử, chúng tôi đã tìm cách chứng minh lại, qua các văn bản gốc, trong sách *Vua Gia Long và người Pháp*, ở đây chỉ xin vắn tắt vài dòng về việc *ai cứu Gia Long*: Trong lúc cấp bách, Nguyễn Ánh chạy cùng với một người hầu, là chú tiểu đồng con hát; người trẻ tuổi này đã tìm được chiếc thuyền chở chủ đi trốn, đưa đến cha Hồ Văn Nghị. Cha Nghị và thầy giảng Toán đã chăm nuôi, cứu sống Nguyễn Ánh. Hồ Văn Nghị trở thành người tin cẩn của vua cho đến khi qua đời ngày 19-2-1801, một năm trước khi Nguyễn Vương lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Gia Long, ngày 31-5-1802.

Những việc trên đây cho thấy, chỉ qua một vài chi tiết nhỏ, người ta cũng có thể tạo dựng “lịch sử” theo đúng hướng người Pháp thực dân mong muốn: xác định công lao của người Pháp khi đến Việt Nam, qua công trạng “cứu vua và lập quốc” của Bá Đa Lộc. “Công trạng” này sẽ làm nền tảng cho “món nợ” lớn lao, khiến người Việt phải “đời đời” mang ơn người Pháp, và khi họ “vô ơn” với những ân nhân, ngược đãi đạo Gia Tô, họ phải chịu sự “trừng phạt” của Pháp. “Công trạng” này còn gây tinh thần tự ti mặc cảm trong lòng người Việt khi đứng trước người Pháp, kể cả các học giả Việt Nam, khiến các vị này đã chấp nhận tất cả những lập luận sai lầm của học giả Pháp, mà không kiểm chứng, hoặc thấy mà không dám nói ra. Ở đây tôi chỉ nói đến một vài học giả Việt Nam, mà không kể đến những nhà nghiên cứu lịch sử sau này, vì quá nhiều.

Đầu tiên hết là học giả Trương Vĩnh Ký, với cuốn sử *Cours d’Histoire Annamite*, (Giáo trình lịch sử Việt Nam) in năm 1875, tại Sài Gòn. Đây là cuốn sử Việt Nam đầu tiên viết bằng tiếng Pháp cho học trò học. Chúng ta đều biết học giả Trương Vĩnh Ký được đào tạo trong nhà dòng từ nhỏ, tư tưởng của ông gần gũi với các vị

thừa sai. Công lớn của ông đối với chữ quốc ngữ, không ai chối cãi được, nhưng những điều ông viết trong cuốn *Cours d'Histoire Annamite* về nhà Nguyễn, nhất là về vua Minh Mạng, thì không thể hiểu nổi.

Vua Minh Mạng, dưới ngòi bút của Trương Vĩnh Ký, đã làm những việc như thế này: bạc đãi các “sĩ quan” Pháp đã giúp vua Gia Long dựng nghiệp, tàn bạo và ngược đãi các giáo sĩ, bắt về kinh dịch sách, lúc không cần, đui họ ra biên giới, cho chết dần vì bệnh. Minh Mạng nổi những “*cơn thịnh nộ khốc liệt như bị cái ác lôi kéo vì nóng giận hay vì ghen tuông mù quáng*”: “*Tham vọng cầm đầu của ông là vô độ, chính trị lạnh lùng, bất chính, tàn phũ*” đối với các nước láng giềng. Trong gia đình, khi lên ngôi, đã tiếm vị của hai cháu (con hoàng tử Cảnh), “nghe nói” thông dâm với chị dâu, khi bà này có mang, bèn kết bà tội loạn luân với con, và kết án tử hình cả ba mẹ con... Trương Vĩnh Ký dẫn ra những “tội ác” này, để làm tiền đề cho câu sau:

“*Sau những tội ác mà sự vô liêm sỉ và đạo đức già đến tối nhất, pha trộn với lòng hiểm ác thâm độc, dường như tranh nhau đua vị như thế, ta có cần phải ngạc nhiên trước thái độ của nhà vua đối với các sĩ quan Pháp và các vị thừa sai? Không, dĩ nhiên là không. Minh Mạng, bản chất độc ác, lạnh lùng, đến tối và gian trá, từ nay có thể làm tất cả, mà biết chắc chắn là không bao giờ quá.*” (

Nguyên văn tiếng Pháp: Faut-il après un pareil crime, où le cynisme et l'hypocrisie la plus noire, se mêlant à la plus profonde scélérateuse, semblaient se disputer la palme, s'étonner de sa conduite envers les officiers français et les missionnaires? Non, évidemment. Minh Mạng, nature méchante, froide, sombre et fausse, pouvait désormais tout entreprendre, sûr de ne jamais aller au-delà)[1].

Không cần bàn đến sự bịa đặt của những thông tin này mà sự thực lịch sử ngày nay đã rõ ràng. Chỉ nguyên cách đưa những tin “nghe nói” (dit-on) vào lịch sử và việc phán đoán một người không cùng thời với mình (khi vua Minh Mạng băng hà, Trương Vĩnh Ký mới bốn tuổi) bằng những chữ *lạnh lùng, đến tối...: bản chất độc ác*, là đã thấy rõ cách làm việc của Trương Vĩnh Ký. Làm sao ông biết được *bản chất* (nature) của vua Minh Mạng, khi ông không sống cùng và chỉ biết nhà vua qua những thông tin “*nghe nói*” (dit-on) mà ngày nay người ta gọi là những lời “đồn thổi”? Chưa kể ông sẵn sàng bịa ra những thông tin kiểu “vua Gia Long sai Puymanel và Le Brun xây thành Gia Định”, mà sau này Nguyễn Đình Đầu chép lại, để chứng minh thành quách Việt Nam đều do người Pháp xây cả.

Nhưng điều tai hại là những trang sử bôi nhọ vua Minh Mạng và triều Nguyễn này nằm trong *cuốn sách lịch sử đầu tiên viết bằng tiếng Pháp* cho học trò Nam kỳ học và các sử gia Pháp-Việt dùng. Trương Vĩnh Ký đã “đầu độc” lũ trẻ bằng sự kết tội triều đình, bôi nhọ vua Minh Mạng, cấp cho trẻ em một cái nhìn sai lệch về triều Nguyễn, về mối quan hệ Pháp-Việt. Cuốn sách của ông, còn là cuốn lịch sử Việt Nam đầu tiên mà người Pháp đọc được, như nhiều tác giả kể lại, nên có lẽ chính nó đã làm nền tảng cho những người đi sau, như linh mục Louis Eugène Louvet, khi viết cuốn *La Cochinchine Religieuse* (Đạo giáo ở Nam kỳ), in mười năm sau (1885) có đủ cũi lừa để vẽ thêm chân rết kết án Minh Mạng là bạo chúa Néron. Và Alexis Faure, khi viết cuốn *Monseigneur Pigneau de Béhaine évêque d'Adran* (Đức Giám Mục Bá Đa Lộc) in năm 1891, đã tôn sùng Bá Đa Lộc lên hàng Tể tướng bên cạnh Gia Long, như Richelieu bên cạnh Louis XIII của Pháp.

Vai trò chính yếu của Trương Vĩnh Ký trong buổi giao thời -mà ông được coi là nhà bác học biết nhiều thứ tiếng- là gì? Nguyễn Văn Trấn trong tiểu sử Trương Vĩnh Ký, ghi lại những điều sau đây:

Ông được cử làm thông ngôn cho phái đoàn Phan Thanh Giản đi sứ Pháp, về tới Sài Gòn ngày 18-3-1864, Trương Vĩnh Ký trở lại chức phận thông ngôn ở Soái phủ Sài Gòn. Người ta giao ông dịch tài liệu cho tờ công báo, chữ Tây, Le Courrier de Saigon. Số đầu ra ngày 1 tháng Giêng 1864. Người ta cũng đã cho Trương Vĩnh Ký làm trợ bút tờ Gia Định Báo. Làm từ 1866 tới 1868 được nhắc lên làm Chủ bút (Quyết định của Pháp soái Dupré, ký ngày 16 tháng Chín 1868). Đồng thời Pétrus Ký được phong giáo sư và rồi cũng trở thành ông đốc Trường Thông ngôn(Mở từ 16-7-1864)[2].

Kể từ khi phụ trách tờ *Gia Định Báo*, Trương Vĩnh Ký đã phát triển và phổ biến đường lối chính thống của người Pháp thực dân: loại bỏ văn hóa Trung Hoa, chữ Hán, chữ Nôm và độc tôn chữ Quốc ngữ. Công lao khai phá của ông với chữ Quốc ngữ, không ai chối cãi được; nhưng công lao này có phải cũng là để phục vụ chính sách của người Pháp: dùng chữ Quốc ngữ thay thế chữ Nôm và chữ Hán, để cắt đứt người Việt với quá khứ văn hóa của dân tộc mình?

Hai cuốn lịch sử *Cours d'Histoire Annamite*, (Giáo trình lịch sử Việt Nam) in năm 1875, và *Biên tích Đức Thầy, Pinho Quận công* (1897) viết về Bá Đa Lộc, phù hợp hoàn toàn với chính sách viết lại lịch sử của người Pháp thời ấy: Họ muốn công lao dựng nước phải là của Bá Đa Lộc, và các “sĩ quan” Pháp, việc mất nước là tội của triều đình: từ Minh Mạng, đã vô ơn với những người Pháp đến giúp Gia Long, rồi “độc ác, hãm hại các thừa sai, bể quan toả cảng”... Vì vậy, người Pháp mới phải nhúng tay vào. Họ muốn tạo cho sự xâm lược của họ một lý do chính đáng, nên mới giao cho các học giả việc viết lại lịch sử.

Học giả Cadière và Maybon là hai người Pháp “khai sinh” chiến dịch viết lại lịch sử Pháp Việt, từ nguồn cội, kể từ năm 1912, khi linh mục Cadière cho in những tài liệu đầu tiên liên quan đến việc người Pháp đến giúp Gia Long, trên tập san của *Trường Viễn Đông Bác cổ* (BEFEO), số 12 và năm 1917, ông mở rộng địa bàn trên tập san *Đô thành Hiếu cổ* (BAVH) do ông làm chủ bút. Đến năm 1920, khi cuốn *Histoire moderne du pays d’Annam*, của Maybon ra đời, Cadière giới thiệu và ca tụng nồng nhiệt. Một năm sau, 1921, khi Thống chế Joffre đi kinh lý Việt Nam, đến Huế, Cadière đã đọc bài diễn văn tiếp đón Thống chế, nêu cao thành tích rằng mình đã tìm được hết các tài liệu để chứng minh “sự thực lịch sử”: Công nghiệp của Gia Long hoàn toàn do người Pháp chủ xướng, từ quân đội đến thành trì.

REPORT THIS AD

Tới đây, tôi lại được “sáng mắt” thêm một lần nữa: Cadière và Maybon không phải là hai vị học giả và sử gia đầu tiên thực hiện việc viết lại lịch sử Pháp-Việt, mà học giả Trương Vĩnh Ký đã bắt đầu từ trước, từ năm 1875; với cuốn *Cours d’Histoire Annamite*, ông đã dẫn đường cho một số người Pháp, như Louis Eugène Louvet, viết cuốn *Đạo giáo ở Nam kỳ* (1885), Alexis Faure viết cuốn *Đức Giám Mục Bá Đa Lộc* (1891), rồi Trương Vĩnh Ký viết tiếp cuốn sử thứ nhì *Biên tích Đức Thầy, Pinho Quận công* (1897) để xác định công lao của Bá Đa Lộc và các “sĩ quan” Pháp. Charles Gosselin viết cuốn *Đế quốc An Nam* (1904) lập lại những điều buộc tội nhà Nguyễn của Trương Vĩnh Ký và kết luận: “*Những hoàng đế này [của nước Nam] phải chịu trách nhiệm sự suy đồi và sụp đổ của nước họ, phải gánh vác một mình, sự nhục nhã trước lịch sử*” (Gosselin, *L’Empire d’Annam*, Perrin et Cie, 1904, trang XVII).

Sau Trương Vĩnh Ký, các học giả Việt Nam khác, cũng không làm gì để lật lại thế cờ. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, trong bài viết giá trị về lịch sử xây dựng thành phố Sài Gòn và các thành trì ở trong Nam, đã dùng lại những đồ thị do người Pháp vẽ, họ trình bày thành Gia Định [và tất cả các thành trì khác trên toàn cõi Việt Nam, từ Huế đến Hà Nội] bằng một thứ đồ thị có răng cưa, biểu hiệu thành Vauban, trong khi các thành trì Việt Nam, từ Diên Khánh, đến Huế, Hà Nội, Sơn Tây, tường đều xây thẳng, không có dấu vết gì Vauban cả. Nguyễn Đình Đầu còn dẫn lời Trương Vĩnh Ký, trong cuốn *Biên tích Đức Thầy, Pinho Quận công*, nói rằng: “*Tháng 2 trong năm (1790) vua dạy ông Olivier với ông Le Brun coi xây thành Gia Định tại Tân Khai*“. Và ông còn cho biết, theo lời Trương Vĩnh Ký trong cuốn sách này, thì Bá Đa Lộc trở về Sài Gòn đem theo “*mấy chiếc tàu chở súng lớn cỡ 100 cở, súng tay mấy ngàn cây, thuốc đạn cụ túc (đầy đủ) về giúp vua An Nam*”, và “*Việc tổ chức và rèn tạo bộ binh của Nguyễn Ánh là do Olivier de Puymanel, làm lớn đứng đầu hết*”[3].

Khi những sai lầm, bịa đặt của người đi trước, được người sau chép lại như một sự thật không cần kiểm chứng, thì thực khó hiểu. Tại sao có sự đồng tình mù quáng như thế trong nghiên cứu khoa học? Năm 1964, học giả Đào Duy Anh hiệu đính và viết tựa cho cuốn *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, do Nguyễn Mộng Khương và Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch. Trong bài Tựa, Đào Duy Anh nói đến những thiếu sót của Gabriel Aubaret khi dịch cuốn sách này sang tiếng Pháp (1864), như phiên âm sai, không hiểu rõ chữ Hán, nhưng ông không nhắc gì đến việc Aubaret đã *loại hẳn* chương *Thành trì chí*, là chương Trịnh Hoài Đức mô tả thành Gia Định và các thành trì trong Nam, ra ngoài. Bởi vì, trừ thành Gia Định [là thành cũ của Cao Miên sửa lại] Trịnh Hoài Đức nói rõ tên từng vị quan phụ trách *đắp* tất cả các thành trì ở miền Nam, không có người Pháp nào cả. Việc này không thể “phổ biến ra ngoài” được, nên Aubaret phải bỏ không dịch! Tệ hơn nữa, trong bài Tựa sách, Aubaret còn cả gan lên giọng trách Trịnh Hoài Đức đã “vô ơn” không nhắc đến Giám mục Bá Đa Lộc và các “sĩ quan lỗi lạc”, đặc biệt về việc xây thành Gia Định, là “*công cuộc vĩ đại do Đại tá Pháp Olivier [de Puymanel] thực hiện*”! Sự gian dối của Aubaret, chẳng lẽ Đào Duy Anh không thấy, mà bài tựa ông viết năm 1964, đâu còn người Pháp nữa, sao học giả họ Đào vẫn không “dám” nói ra sự gian dối này?

Đến năm 2018, khi tôi về nước, đi thăm thành Hà Nội và Sơn Tây, bước vào vẫn thấy người ta giới thiệu với du khách, thành này do Pháp xây theo kiểu Vauban, mặc dù tường thành thẳng tắp, không có chỗ nào lồi ra, là đặc điểm của thành Vauban. Không hiểu du khách Pháp nghĩ gì về sự “nhận vơ” đáng buồn này, như thế ta vẫn mong muốn được Pháp đồ hộ thêm một lần nữa.

Trong 60 năm ở Pháp, tôi cố gắng gột rửa đầu mình khỏi mặc cảm thấp hèn, yếu kém của con bé “anh-đô-shi-noa”, trong hành động cũng như trong tư tưởng, và chỉ thật sự thấy được cân bằng và bình yên, khi biết rõ về vua Gia Long, về người thiếu niên dũng cảm và kiên định đã tay không dựng lại cơ đồ, tái tạo một nước Việt Nam thống nhất, sau hơn hai trăm năm phân liệt.

Cơ đồ ấy, sau gần một trăm năm lệ thuộc Pháp, đã sản xuất ra những người “*anh đô si noa*” như tôi, ra đời với mặc cảm bé mọn thấp hèn trước bất cứ người Âu Mỹ nào. Mặc cảm này đã ăn sâu vào trí óc khiến cả những người có học, hiểu biết lịch sử cũng không dám cãi lại người Âu, ở những chỗ họ nguy hiểm, gian dối, mà đôi khi còn về hòa với họ trong việc nguy trá và nguy biện lịch sử. Ánh mắt thương hại của bà cụ quê mùa miền Ardennes đã khiến tôi phản bác lại những sai lầm của một số người Pháp. Riêng những sai lầm của người mình, thì mình phải tự xử.

Chỉ khi nào, ta bỏ được sự tự hào với những gì có người Pháp nhúng tay vào, như thể nếu có bàn tay của Pháp, thì mọi thứ *sang trọng* lên: “thành trì Pháp xây tất nhiên phải hay hơn thành trì người Việt”, “Sách Pháp viết chắc chắn đúng hơn sách ta viết”... Chỉ khi nào ta bỏ được những thành kiến ấy, thì ta mới gột rửa được phần nào đầu óc bị trị.

Đi sau vua Gia Long hơn hai thế kỷ. Dường như chúng ta vẫn chưa khôi phục được tinh thần tự tin, tự chủ, khi trực diện với người ngoại quốc mà vị Hoàng Đế đầu tiên của triều Nguyễn đã khai phóng.

Thụy Khuê

Yên Cơ, Les Issambres ngày 29-5-2022.

Viết cho buổi tọa đàm về Vua Gia Long, tổ chức ở Huế ngày 31-5-2022, kỷ niệm 220 năm ngày vua Gia Long lên ngôi Hoàng Đế, đặt tên nước là Việt Nam.

Ghi chú

[1] Theo bản điện tử điện tử in trên Internet, trang 168.

[2] Theo Nguyễn Văn Trấn, *Trương Vĩnh Ký con người và sự thật*, Ban Khoa Học Xã Hội Thành Ủy, TPHCM, 1993, trang 28-29.

[3] Theo Nguyễn Đình Đầu, *Địa lý lịch sử thành phố*, in trong cuốn *Địa chỉ văn hoá thành phố HCM*, 1987, Nxb TPHCM, trang 183).